

**TÒA ÁN QUÂN SỰ  
QUÂN KHU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HS-PT  
Ngày 23 - 3 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN KHU 1**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* 3// Hà Minh Phương;

*Các Thẩm phán:* 4// Trương Đức Thuận;

2// Lê Đức Hà.

***Thư ký phiên tòa:*** 3/Phùng Văn Hoàng, Thư ký Tòa án quân sự Quân khu 1.

***Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 tham gia phiên tòa:*** 2// Bàn Tuấn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 1, Tòa án quân sự Quân khu 1 xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 01/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**Phạm Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 05 tháng 4 năm 1982; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn V, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị Q, sinh năm 1956; có vợ là Lê Thị Ngọc Th, sinh năm 1990; bị cáo chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 27/5/2021 đến nay; có mặt.

***- Bị hại:***

1. Chu Văn Đ; sinh ngày 05/3/1992; cấp bậc: Trung úy QNCN; chức vụ: Lái xe; đơn vị: Đại đội 25, Trung đoàn 2, Sư đoàn 3, Quân khu 1; có mặt.

2. Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1; địa chỉ: Huyện L, tỉnh Bắc Giang; người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Sỹ C; cấp bậc: Trung tá; chức vụ: Trung đoàn trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân Ch; cấp bậc: Trung tá; chức vụ: Phó Trung đoàn trưởng, được Trung đoàn trưởng ủy quyền tham gia phiên tòa; có mặt.

- *Bị đơn dân sự:* Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Đ (Công ty Đ); địa chỉ: Số 85A khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Văn Ng và ông Nguyễn Mạnh H; chức vụ: Nhân viên văn phòng; nơi làm việc: Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Đ; được giám đốc ủy quyền tham gia phiên tòa; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty vận tải Thương mại - Dịch vụ V; địa chỉ: Số 183 khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Như A; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

2. Bảo hiểm xã hội (BHXH) Bộ Quốc phòng; địa chỉ: Số 34C Trần Phú, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Xuân Th; cấp bậc: Đại tá; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T là lái xe hợp đồng có thời hạn của Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Đ (Công ty Đ). Ngày 25/3/2021 T được giao nhiệm vụ theo Lệnh điều xe của công ty chở hàng hóa từ cửa khẩu Ch (tỉnh Quảng Bình) về cửa khẩu CN (tỉnh Lạng Sơn). Khoảng 23 giờ 00 khi điều khiển xe ô tô đầu kéo biển số đăng ký (BSĐK) 12C- 044.16, kéo Rơ moóc BSĐK 12R-001.77 đi đến Km 72 + 250 trên Quốc lộ 1A, theo hướng Hà Nội - Lạng Sơn thuộc địa phận thôn Làng R , xã K, huyện H, tỉnh Lạng Sơn T phát hiện có ánh đèn xe ô tô đi ngược chiều cách khoảng hơn 100m, do phán đoán xe ô tô ngược chiều đang đi lấn sang phần đường của mình nên T điều khiển xe đi sang phần đường bên trái , khi hai xe gần nhau , T phát hiện xe đi ngược chiều đang đi đúng phần đường , T đạp phanh, bấm còi nhưng không kịp điều khiển xe về phần đường bên phải của mình dẫn đến xe ô tô do T điều khiển va chạm với xe ô tô đi ngược chiều BSĐK KA-88-45 của Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 do Chu Văn Đ điều khiển. Sau khi xảy ra tai nạn T đã cùng người dân gọi xe đưa Đ đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện H, tỉnh Lạng Sơn, Đ được chuyển đến bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, Bệnh viện Quân Y 110 điều trị đến ngày 28/4/2021 thì ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 144/2021/PYTT ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Lạng Sơn kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của Chu Văn Đ là 72%; Bản kết luận định giá tài sản số: 1046/KL-HĐĐGTS ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn kết luận: Giá trị thiệt hại đối với xe ZINGER, nhãn hiệu MISUBISI , BSĐK KA -88-45 là 256.219.000 đồng; Giá trị thiệt hại đối với xe ô tô đầu kéo FOTON, BSĐK 12C-044.16 là 24.343.000 đồng.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bị hại Chu Văn Đ 53.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1 đã quyết định:

- *Về hình sự:* Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm b, d khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự (BLHS) xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm, 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Ghi nhận trước khi mở phiên tòa bị cáo đã bồi thường cho bị hại Chu Văn Đ tổng số tiền 53.000.000 (năm mươi ba triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021, bị cáo Phạm Văn T kháng cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 (một) năm, 08 (tám) tháng tù giam là quá nặng và không tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét mức độ, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, không cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tiếp tục lao động sản xuất phụng dưỡng bố mẹ già.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện vay tiền bạn bè, người thân được 50.000.000 đồng và đề nghị Công ty Đ cho tạm ứng số tiền 206.219.000 đồng để phối hợp cùng Công ty Đ thỏa thuận bồi thường cho bị hại Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 tổng số tiền 256.219.000 đồng mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút một phần kháng cáo, chỉ kháng cáo phần hình sự xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo Phạm Văn T khai nhận: Bị cáo lái xe thuê cho Công ty Đ theo hợp đồng thuê lái xe, thời gian từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021. Ngày 25/3/2021 bị cáo được giao nhiệm vụ theo Lệnh điều xe ô tô BSDK 12C-044.16, kéo rơ moóc BSDK 12R-001.77 của công ty chở hàng từ cửa khẩu Ch (tỉnh Quảng Bình) về cửa khẩu CN (tỉnh Lạng Sơn). Khoảng 23 giờ 00 khi đi đến Km 72+250 trên Quốc lộ 1A theo hướng Hà Nội - Lạng Sơn thuộc địa phận thôn Làng R, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, quan sát thấy có xe ô tô đi ngược chiều ở khoảng cách 100m, bị cáo phán đoán xe ngược chiều đang đi phần đường bên phải của mình nên điều khiển xe đi sang phần đường bên trái để tránh; khi xe ô tô do bị cáo điều khiển đi sang phần đường của xe đi ngược chiều, thì bị cáo thấy xe ô tô ngược chiều đi đúng phần đường, do khoảng cách quá gần bị cáo không xử lý được chỉ biết đạp phanh, bấm còi nhưng hai xe ô tô vẫn đâm va vào nhau gây tai nạn. Sau

khi tai nạn xảy ra, bị cáo đưa Chu Văn Đ đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại Chu Văn Đ tổng số tiền 53.000.000 đồng, bị hại Chu Văn Đ nhất trí.

Tại phiên tòa, bị hại Chu Văn Đ xác nhận lời khai của bị cáo Phạm Văn T là đúng, nhất trí với lời khai đó; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân Ch đại diện theo ủy quyền của bị hại Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 khai: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện cùng Công ty Đ là bị đơn dân sự thỏa thuận bồi thường cho đơn vị tổng số tiền 256.219.000 đồng mà quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Đơn vị nhất trí không có ý kiến gì về phần bồi thường. Nhưng về hình phạt của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa ông Triệu Văn Ng và ông Nguyễn Mạnh H đại diện theo ủy quyền của bị đơn dân sự Công ty Đ khai: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo T đã chủ động đề nghị Công ty cho bị cáo ứng tiền để bị cáo tự nguyện cùng công ty thỏa thuận bồi thường cho Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 tổng số tiền 256.219.000 đồng mà quyết định của án sơ thẩm đã tuyên. Trong đó bị cáo có 50.000.000 đồng, Công ty cho bị cáo ứng 206.219.000 đồng. Số tiền cho bị cáo tạm ứng Công ty sẽ trừ vào tiền lương thu nhập hàng tháng của bị cáo khi bị cáo tiếp tục làm việc cho Công ty, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện lao động chăm sóc nuôi dưỡng bố, mẹ già và hoàn trả tiền cho công ty.

Tại phiên tòa ông Trần Như A đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì.

Tranh luận tại phiên tòa, sau khi phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1 xét xử bị cáo Phạm Văn T về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm b, d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo 01 năm, 08 tháng tù là đã xem xét toàn diện, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo theo quy định của pháp luật, xử phạt ở mức thấp của khung hình phạt đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Xét thấy, việc bồi thường thiệt hại là trách nhiệm của chủ phương tiện tức Công ty Đ, nhưng theo hợp đồng thuê lái xe giữa bị cáo và Công ty Đ tại Điều 2 của hợp đồng đã xác định những thiệt hại do lái xe vi phạm pháp luật gây ra thì lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Bị cáo nhận thức được điều này nên đã chủ động phối hợp với Công ty Đ khắc phục hậu quả do mình gây ra thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án

quân sự Khu vực, Quân khu 1: Về hình sự áp dụng điểm b, d khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 năm 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 04 tháng. Về bồi thường thiệt hại, căn cứ các quy định của pháp luật Công ty Đ phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng số tiền 18.864.746 đồng. Về xử lý vật chứng giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm. Ghi nhận việc thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và Công ty Đ với Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 trước khi xét xử phúc thẩm.

Tranh luận tại phiên tòa, bị cáo nhất trí về tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đã áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo trình bày ý kiến: Trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, mặc dù điều kiện kinh tế của bị cáo và gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo đã vay tiền bạn bè, người thân và đề nghị Công ty Đ cho tạm ứng tiền để bị cáo cùng Công ty thỏa thuận bồi thường cho bị hại Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 số tiền là: 256.219.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Vì vậy mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tiếp tục lao động sản xuất nuôi dưỡng bố mẹ già và hoàn trả tiền vay của Công ty Đ, bạn bè, người thân.

Bị hại Chu Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện đơn vị Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tiếp tục lao động sản xuất nuôi dưỡng bố mẹ già và khắc phục hoàn trả tiền đã vay và ứng để thực hiện bồi thường.

Bị đơn dân sự Công ty Đ nhất trí nội dung kháng cáo của bị cáo, mong Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện tiếp tục làm việc chăm sóc bố, mẹ già và hoàn trả tiền cho Công ty.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo đã cố gắng vay tiền của người thân và của Công ty để bồi thường xong cho bị hại, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tiếp tục lao động sản xuất, phụng dưỡng bố mẹ già và trả nợ số tiền đã vay để thực hiện bồi thường.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T nộp trong thời hạn quy định của pháp luật là hợp lệ, được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo ngày 10 tháng 12 năm 2021, chỉ kháng cáo phần hình sự của bản án, xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với diễn biến nội dung vụ án và phù hợp với toàn bộ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ để kết luận:

Bị cáo Phạm Văn T là lái xe thuê cho Công ty Đ theo hợp đồng thuê lái xe có thời hạn. Ngày 25/3/2021 bị cáo được công ty giao nhiệm vụ điều khiển xe ô tô BSDK 12C-044.16, kéo rơ moóc BSDK 12R-001.77 chở hàng từ cửa khẩu Ch (tỉnh Quảng Bình) về cửa khẩu CN (tỉnh Lạng Sơn). Khi đi đến Km 72 + 250 trên Quốc lộ 1A theo hướng Hà Nội - Lạng Sơn, phát hiện thấy có xe ô tô đi ngược chiều ở khoảng cách 100m, do phán đoán xe ngược chiều đang đi phần đường bên phải của mình nên bị cáo điều khiển xe sang phần đường bên trái để tránh; khi xe ô tô do bị cáo điều khiển đi sang phần đường của xe đi ngược chiều thì bị cáo thấy xe ô tô ngược chiều đi đúng phần đường, lúc này do khoảng cách quá gần bị cáo không xử lý được chỉ đạp phanh, bấm còi nhưng hai xe ô tô vẫn va vào nhau.

Hành vi bị cáo điều khiển xe ô tô BSDK 12C 044.16 đi sang phần đường của xe đi ngược chiều dẫn đến xảy ra tai nạn đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Là nguyên nhân trực tiếp gây ra tai nạn, làm anh Chu Văn Đ bị tổn thương cơ thể tổng tỷ lệ là 72%; giá trị thiệt hại đối với xe ô tô BSDK KA - 88-45 là: 256.219.000 đồng, xe ô tô BSDK 12C - 044.16 là 24.343.000 đồng. Đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm b, d khoản 1 Điều 260 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

### [3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, vì cho rằng hình phạt là quá nặng và không tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo với lý do: Hiện nay hoàn cảnh của vợ chồng bị cáo và gia đình rất khó khăn; Bị cáo là lao động chính, trụ cột trong gia đình, có nghĩa vụ nuôi dưỡng chăm sóc Bố, mẹ già yếu, không có khả năng lao động; toàn bộ chi phí sinh hoạt, thuốc thang đều phải trông cậy vào bị cáo; bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

Về lý do bị cáo cho rằng: Hình phạt là quá nặng và không tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng, tai nạn xảy ra hoàn toàn do lỗi của bị cáo; trước khi xét xử sơ thẩm bị cáo mới bồi thường được phần nhỏ thiệt hại gây ra, thái độ chưa tích cực hợp tác trong khắc phục hậu quả. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện vụ án, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; hậu quả gây ra; các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo nên đã xử phạt bị cáo 01 năm 08 tháng tù như vậy là phù hợp, đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về đề nghị xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, mặc dù điều kiện kinh tế của bị cáo và gia đình rất khó khăn nhưng bị cáo đã vay bạn bè, người thân và đề nghị Công ty Đ cho tạm ứng tiền để tự nguyện cùng Công ty thỏa thuận bồi thường xong cho bị hại Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 số tiền là: 256.219.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Hội đồng xét xử thấy đây cũng được coi là tình tiết mới thuộc khoản 2 Điều 51 BLHS, cần ghi nhận sự cố gắng của bị cáo trong bồi thường khắc phục hậu quả. Xem xét toàn diện vụ án, thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; mặc dù điều kiện gia đình khó khăn nhưng đã tích cực tự nguyện bồi

thường xong cho bị hại; có nơi cư trú rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 65 BLHS và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, cho bị cáo hưởng án treo chấp hành hình phạt tại địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Tại phiên tòa các bị hại, bị đơn dân sự đều có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân khu 1 về việc chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ; đề nghị của bị cáo xin được hưởng án treo có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về bồi thường thiệt hại:

- Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn T và bị đơn dân sự Công ty Đ đã thỏa thuận với đại diện Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 bồi thường cho đơn vị số tiền là: 256.219.000 đồng, tại Biên bản thỏa thuận ngày 23/3/2022. Đại diện Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 nhất trí với nội dung thỏa thuận và đã nhận đủ số tiền: 256.219.000 đồng. Ghi nhận bị cáo đã thực hiện bồi thường xong cho Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; khoản 3 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 590, Điều 597, Điều 601 Bộ luật dân sự bị đơn dân sự Công ty Đ phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng số tiền 18.864.746 đồng.

[5] Về án phí:

- Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo Phạm Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn dân sự Công ty Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng là: 18.864.746 đồng) x 5% = 943.237 đồng.

[6] Về nội dung khác: Trong Bản án hình sự sơ thẩm, tại phần nhận định và phần quyết định của Bản án về bồi thường thiệt hại, do sai sót trong quá trình soạn thảo số tiền mà bị đơn dân sự Công ty Đ phải bồi thường cho bị hại Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 là 256.219.000 đồng đã soạn thảo sai thành 265.219.000 đồng. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại sai sót này cho đúng. Số tiền phải bồi thường cho Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 là: 256.219.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm mười chín nghìn) đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 260; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án quân sự Khu vực, Quân khu 1 đã tuyên đối với bị cáo Phạm Văn T. Nay tuyên như sau:

#### **1. Về hình sự:**

Áp dụng điểm b, d khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm, 08 (tám) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 23/3/2022) và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã Y, huyện M, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Phạm Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

#### **2. Về bồi thường thiệt hại:**

Ghi nhận trước khi mở phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn T đã cùng Công ty Đ bồi thường cho bị hại Trung đoàn A, Sư đoàn B, Quân khu 1 số tiền 256.219.000 (hai trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm mười chín nghìn) đồng tại Biên bản thỏa thuận ngày 23/3/2022. Đã thực hiện bồi thường xong.

Ghi nhận trước khi mở phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã bồi thường cho bị hại Chu Văn Đ tổng số tiền 53.000.000 (năm mươi ba triệu) đồng.

Áp dụng khoản 1 điều 48 BLHS, khoản 3 Điều 584, khoản 1 Điều 585, Điều 590, Điều 597, Điều 601 BLDS buộc bị đơn dân sự Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Đ phải bồi hoàn cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng số tiền 18.864.746 (mười tám triệu, tám trăm sáu mươi tư nghìn, bảy trăm bốn mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 BLDS 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các



Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng Hình sự, bị đơn dân sự Công ty Cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Đ phải nộp 943.237 (chín trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm ba mươi bảy) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAQSTW (02b);
- VKSQSTW;
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV13;
- TAQSKVQK1;
- CQĐTHSKV1, QK1;
- PTHAQK1;
- CQTHAHS Công an huyện Yên Mô, NB;
- UBND xã Yên Thái;
- Bị cáo;
- Bị hại (02b);
- Bị đơn dân sự;
- NCQLNVLQĐVA (02b);
- Hồ sơ THA Tòa án quân sự Quân khu 1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án. P18b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Thượng tá Hà Minh Phương**